



Tiếng Trung Yixin

Ngành Công nghệ Thông tin - Trường Đại học Quốc gia Hà Nội

第六课练习

 LIVEWORKSHEETS



01

汉字归类

SẮP XẾP CÁC CHỮ HÁN CÓ CÙNG
BỘ THỦ VÀO CHUNG 1 NHÓM

02

选字填空

CHỌN CÁC CHỮ HÁN ĐÃ CHO
ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG





Ở CẢ HAI BÀI TẬP,
CÁC BẠN CHỈ CẦN
KÉO VÀ THẢ CÁC
CHỮ HÁN VÀO Ô NHÉ!



眼 国 很 聪 叫 睛 职 明
时 晚 吃 得 睡 四 哪

彳

Bộ 彳 thường liên quan
đến đi lại

耳

Bộ 耳 thường liên quan
đến thính giác hoặc
bộ phận thính giác

口

Bộ 口 thường liên quan
đến miệng

匚

Bộ 匚 thường diễn tả
bị vây hãm, bao vây

目

Bộ 目 thường liên quan
đến đôi mắt

日

Bộ 日 thường liên quan
đến thời gian, mặt trời



眼 国 很 聪 叫 睛 职 明
时 晚 吃 得 睡 四 哪

1. 我 上七点 饭, 十一点 觉。
2. 你是 人?
3. 我觉 他 可爱, 也很 .
4. 我 高山, 十岁, 我是 员。
5. 她的 很小。
6. 从这儿到医院多长 间?